UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2023/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức phí bảo trì công trình thuộc nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dụng về quản lý chất lượng và thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-STC ngày .....tháng.....năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình thuộc các

chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQVN tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP1,2,3,4,5.

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); Nghi định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng công trình và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. Không áp dụng cơ chế đặc thù được quy định tại Chương IV của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực cấp điện, đầu tư lưới điện phân phối.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành công trình, quy trình bảo trì, mức phí bảo trì.

1. Việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đảm bảo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và pháp luật hiện hành của nhà nước và quy định tại Quyết định này.

2. Chỉ áp dụng cơ chế đặc thù đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp là việc áp dụng quy trình đơn giản, thủ tục rút gọn trong lập, thẩm định, quyết định dự án, lựa chọn nhà thầu thi công công trình,

quả lý thi công, bảo trì công trình, đối với các dự án đầu tư xây dựng có sự tham gia thực hiện của cộng đồng.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Nguồn vốn hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khuyến khích áp dụng Quy định này.

Chương II
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH, QUY TRÌNH BẢO TRÌ, MỨC CHI PHÍ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Điều 5. Tổ chức, quản lý thi công, nghiệm thu công trình.

1 Quản lý chất lượng, giám sát thi công công trình

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù.

b) Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình.

c) Quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công công trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu phải đáp ứng được các nội dung chủ yếu sau:

- Quản lý chất lượng đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sự dụng cho công trình xây dựng được quy định tại Điều 12 của Nghị định 06/2021/NĐ-CP và theo hợp đồng đã ký kết.

- Quản lý chất lượng của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại các khoản 2,3,7,8,9,10,11,13,14,15 và 17 Điều 13 của Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

- Giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khảo 1 Điều 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Công tác nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Việc nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công thực hiện theo quy định tại Khoản 1,2,3 và 4 Điều 21, Điều 22 của Nghị định

06/2021/NĐ-CP. Trong đó biên bản nghiệm thu công việc xây dựng được lập cho từng công việc xây dựng hoặc lập chung cho nhiều công việc xây dựng của một hạng mục công trình hoặc có thể gộp vào nhật ký thi công xây dựng công trình, đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 21 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng khi đáp ứng các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Nội dung biên bản nghiệm thu hoàn thành thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; thành phần tham gia gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát của cộng đồng xã; đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công hoặc hợp tác xã; các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Trường hợp công trình thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu được quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-Cp, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo khởi công xây dựng công trình tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công tối thiểu 01 lần và không quá số lần quy định tại Khoản 5 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Vận hành công trình.

1. Sau khi nhận bàn giao công trình xây dựng, dự án đầu tư xây dựng chủ đầu tư hoặc tổ chức được giao quản lý sử dụng công trình xây dựng có trách nhiệm vận hành, khai thác đảm bảo hiệu quả công trình, dự án theo đúng mục đích và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt.

2. Chủ đầu tư hoặc tổ chức được giao quản lý sử dụng công trình xây dựng có trách nhiệm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình theo quy định.

Điều 8. Trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng.

2. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình xây dựng.

3. Thực hiện bảo trì và quản lý chất lượng công việc bảo trì.

4. Đánh giá an toàn công trình.

5. Lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình xây dựng.

Điều 9: Quy trình bảo trì.

a) Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;

b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;

c) Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;

d) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;

đ) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;

e) Quy định thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;

g) Quy định về nội dung, phương pháp và thời điểm đánh giá lần đầu, tần suất đánh giá đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy định của pháp luật có liên quan;

h) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;

i) Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;

k) Quy định về hồ sơ bảo trì công trình xây dựng và việc cập nhật thông tin vào hồ sơ bảo trì công trình xây dựng;

l) Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

Điều 10. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng

1. Chủ sở hữu hoặc người quả lý sử dụng công trình lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hàng năm trên cơ sở quy trình bảo trì đã được phê duyệt và hiện trạng công trình theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Đối với công trình quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình. UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì, lập quy trình bảo trì chung cho từng loại cấp công trình có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện để áp dụng thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

3. Trường hợp có tiêu chuẩn về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì có thể áp dụng tiêu chuẩn hoặc quy trình đó cho công trình theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

4. Đối với các công trình chưa bàn giao được cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sư dụng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công

trình xây dựng và thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại Khoản 8 Điều 33 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Về định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì

1. Chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình trong đó chi phí xây dựng và chi phí thiết bị đã quyết toán làm căn cứ.

2. Đối với trường hợp chưa có giá trị quyết toán của công trình thì chi phí xây dựng và thiết bị xác định theo xuất vốn đầu tư của công trình tương ứng do cơ quan có thẩm quyền công bố.

3. Định mức phần trăm (%) chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hằng năm xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD.

4. Căn cứ loại, cấp công trình, quy trình bảo trì công trình điều kiện quản lý khai thác sử dụng cụ thể của công trình, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập kế hoạch bảo trì công trình và chi phí thực hiện bảo trì định kỳ hàng năm của công trình. Chi phí này không được vượt quá chi phí xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm quy định tại Phục lục I bàn hành tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các địa phương; kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các công trình và hiệu quả sử dụng vốn đảm bảo đúng mục tiêu đề ra.

2. Các Sở Xây dựng chuyên ngành

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, chất lượng xây dựng các công trình có nguồn vốn hỗ trợ thuộc quy định này đảm bảo theo các quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát UBND các xã, phường, thị trấn trong việc quản lý, vận hành công trình, lập quy trình bảo trì các công trình

thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn các huyện, thành phố.

c) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức triển khai xây dựng công trình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Công khai, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ, động viên nhân dân tham gia thực hiện xây dựng công trình; cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn các thôn, bản tổ chức triển khai đảm bảo đúng quy định.

b) Chỉ đạo bộ phận liên quan tổ chức xây dựng các công trình theo Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, có các vấn đề phát sinh kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp trên để được xem xét điều chỉnh cho phù hợp, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, vận hành công trình, lập quy trình bảo trì công trình đảm bảo hiệu quả và đúng quy định.

c) Kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, cộng đồng dân cư thực hiện quy định về quản lý, vận hành công trình, lập quy trình bảo trì công trình theo đúng quy định.

6. Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn

a) Thực hiện đúng quy định về quản lý, nghiệm thu công trình, vận hành công trình, bảo trì công trình đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Khi các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật./.